TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN NAM TỪ LIÊM** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: **102**/2023/KDTM-ST
Ngày: 19/10/2023.
V/v: Tranh chấp Hợp đồng Kinh tế;

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN NAM TỪ LIÊM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đỗ Thị Lệ Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Vương Đình Quang;
- Bà Phạm Thị Mai Anh.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Phương Liên - Thư ký Toà án nhân dân quận Nam Từ Liêm.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm không tham gia phiên tòa;

Ngày 19 tháng 10 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 30/2023/TLST-KDTM ngày 17 tháng 5 năm 2023, về việc: Tranh chấp hợp đồng kinh tế, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 141/2023/QĐXXST-KDTM ngày 14/8/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 122/2023/QĐST-KDTM ngày 31/8/2023 và số: 156/2023/QĐST-KDTM ngày 19/9/2023; Thông báo về việc thay đổi lịch phiên tòa số: 77b/2023/TB-TA ngày 26/9/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty cổ phần P1; Địa chỉ: Số I, ngách A, tổ dân phố số D, M, phường T, quận N, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Văn N; Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Thu T; Sinh năm: 1998; Địa chỉ: B Làng V C, Khu đô thị M, phường M, quận H, thành phố Hà Nội *(Theo Giấy ủy quyền của Công ty cổ phần P1);* (Có mặt)

Bị đơn: Công ty cổ phần S; Địa chỉ: Tầng C Tòa nhà T, đường M, phường M, quận N, thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Kwon Byung C; Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Kỳ A, ông Đỗ Hà T1, bà Tạ Thị T2 *(Theo Giấy ủy quyền của Công ty cổ phần S);* (Vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty cổ phần S: Luật sư Võ Đình Đ và Luật sư Nguyễn Mạnh T3; Luật sư thuộc Đoàn Luật sư thành phố H; Nơi làm việc: Công ty L; Địa chỉ trụ sở: Số G C, phường K, quận T, thành phố Hà Nội; (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23/02/2023, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện Công ty cổ phần S , là Nguyên đơn trình bày: Công ty cổ phần P1 *(Gọi tắt là: Công ty P1)* và Công ty cổ phần S *(Gọi tắt là: Công ty S-A)* có ký kết Hợp đồng kinh tế số: 120621/HĐKT TL-SA ngày 12/6/2021, hai bên thỏa thuận nội dung của Hợp đồng như sau: Công ty P1 nhận thi công công trình đổ bê tông và mài tăng cứng lộ cát tại Nhà máy S1 tại Khu Công nghiệp Đ, xã Đ, huyện K, tỉnh Hà Nam; Tổng giá trị khối lượng công việc tạm tính là 1.340.988.000 đồng *(Bằng chữ: Một tỷ, ba trăm bốn mươi triệu, chín trăm tám mươi tám triệu đồng);* Thỏa thuận về phương thức thanh toán: Công ty S-A tạm ứng cho Công ty P1 20% giá trị hợp đồng (trước VAT) sau khi hai bên ký hợp đồng; Công ty S-A thanh toán tới 05% khối lượng hoàn thiện theo từng xưởng A1, A2; Giá trị tạm ứng sẽ khấu trừ cho khối lượng nhà xưởng hoàn thiện đã thanh toán. Công ty S-A giữ lại 05% giá trị bảo hành trong 18 tháng. Thời gian thanh toán không quá 07 ngày sau khi bàn giao và hoàn thiện hồ sơ thanh toán.

Ngày 12/6/2021 hai Công ty ký Phụ lục hợp đồng số: 90821/PLHĐ/TL-SA thuộc Hợp đồng kinh tế số: 120621/HĐKT TL-SA, nội dung của Phụ lục Hợp đồng, hai bên thỏa thuận: Công ty P1 nhận thi công đổ bê tông và mài tăng cứng lộ cát nhà xưởng A3, A4 cho công trình: Nhà máy sản xuất thiết bị điện và chế tạo máy biến áp truyền tải Sanaky tại Khu Công nghiệp Đ, xã Đ, huyện K, tỉnh Hà Nam; Giá trị phụ lục Hợp đồng là: 1.677.500.000 đồng *(Bằng chữ: Một tỷ, sáu trăm bẩy mươi bẩy triệu, năm trăm nghìn đồng);* Thỏa thuận phương thức thanh toán: Công ty S-A thanh toán tới 95% khối lượng hoàn thiện theo từng xưởng A3, A4. Công ty S-A giữ lại 5% giá trị bảo hành trong 18 tháng, thời gian thanh toán không quá 07 ngày sau khi bàn giao và hoàn thiện hồ sơ thanh toán.

Ngày 20/8/2021 hai Công ty ký Phụ lục Hợp đồng số: 200821/PLHĐ/TL-SA, nội dung của Phụ lục Hợp đồng, hai bên thỏa thuận: Công ty P1 nhận thi công phần phát sinh xưởng A1, A2, A3, A4 và nhà ngoài cho công trình: Nhà máy sản xuất thiết bị điện và chế tạo máy biến áp truyền tải Sanaky tại Khu Công nghiệp Đ, xã Đ, huyện K, tỉnh Hà Nam; Giá trị phụ

lục Hợp đồng là: 277.565.750 đồng *(Bằng chữ: Hai trăm bẩy mươi bẩy triệu, năm trăm sáu mươi lăm triệu, bẩy trăm năm mươi đồng);*

Tổng giá trị của Hợp đồng kinh tế và 02 Phụ lục hợp đồng là: 3.296.053.750 đồng *(Bằng chữ: Ba tỷ, hai trăm chín mươi sáu triệu, không trăm năm mươi ba nghìn, bẩy trăm năm mươi đồng).*

Quá trình thực hiện Hợp đồng và 02 Phụ lục hợp đồng nêu trên, ngày 23/6/2021, Công ty S-A đã tạm ứng cho Công ty P1 số tiền là: 243.816.000 đồng *(Bằng chữ: Hai trăm bốn mươi ba triệu, tám trăm mười sáu nghìn đồng).* Công ty P1 đã tiến hành thực hiện các công việc như thỏa thuận trong Hợp đồng và 02 Phụ lục hợp đồng nêu trên. Công ty S-A đã thanh toán cho Công ty P1 02 lần tổng cộng là: 01 (Một) tỷ đồng chẵn;

Công ty P1 đã hoàn thiện và gửi cho Công ty S-A 02 bộ hồ sơ quyết toán giá trị hoàn thành với tổng giá trị là 2.531.551.741 đồng, chưa bao gồm tiền bảo hành 5% và 40% giá trị phải thanh toán theo hồ sơ thanh toán trị giá hoàn thành đợt 1, đã được đại diện của hai Công ty ký xác nhận, cụ thể:

- Đợt 1: Ngày 22/7/2021, hai Công ty xác nhận dư nợ là: 628.152.667 đồng *(Bằng chữ: Sáu trăm hai mươi tám triệu, một trăm năm mươi hai nghìn, sáu trăm sáu mươi bẩy đồng)*;

- Đợt 2: Ngày 25/10/2021, hai Công ty xác nhận dư nợ là: 1.903.399.074 đồng *(Bằng chữ: Một tỷ, chín trăm linh ba triệu, ba trăm chín mươi chín nghìn, không trăm bẩy mươi bốn đồng);*

Công ty P1 đã xuất 02 hóa đơn tương ứng với các giá trị được ghi nhận, cụ thể: Hóa đơn GTGT số 0000054 ngày 22/7/2021: Tổng cộng tiền thanh toán là: 1.358.670.643 đồng và Hóa đơn GTGT số 0000065 ngày 25/10/2021: Tổng cộng tiền thanh toán là: 1.954.187.330 đồng;

Tính đến ngày 31/8/2021, Công ty S đã thanh toán cho Công ty P1 tổng số tiền là: 1.243.816.000 đồng *(Bằng chữ: Một tỷ, hai trăm bốn mươi ba triệu, tám trăm mười sáu nghìn đồng),* Công ty S-A còn phải thanh toán cho Công ty P1 tổng số tiền nợ theo Hợp đồng và 02 phụ lục hợp đồng nêu trên là: 2.069.041.973 đồng *(Bằng chữ: Hai tỷ, không trăm sáu mươi chín triệu, không trăm bốn mươi mốt nghìn, chín trăm bẩy mươi ba đồng)*.

Căn cứ vào 02 hồ sơ thanh toán giá trị hoàn thành và 02 hóa đơn GTGT Công ty P1 đã xuất cho Công ty S-A, có đại diện hai Công ty xác nhận số tiền Công ty S-A còn phải thanh toán cho Công ty P1 là: 2.069.041.973 đồng *(Bằng chữ: Hai tỷ, không trăm sáu mươi chín triệu, không trăm bốn mươi mốt nghìn, chín trăm bẩy mươi ba đồng)*, Công ty P1 đã rất nhiều lần yêu cầu Công ty S-A thực hiện theo đúng cam kết, tuy nhiên Công ty S-A đưa ra lý do là dịch bệnh, chủ đầu tư chưa thanh toán nên chưa thực hiện thanh toán cho Công ty P1. Do hai bên không thể hòa giải để giải quyết tranh chấp nêu trên, Công ty P1 khởi kiện, đề nghị Tòa án buộc Công ty S-A phải thanh toán cho

Công ty P1 tổng số tiền nợ gốc và tiền lãi do chậm thanh toán tính đến ngày Tòa án xét xử 19/10/2023 là: 2.574.413.098 đồng *(Bằng chữ: Hai tỷ, năm trăm bẩy mươi bốn triệu, bốn trăm mười ba nghìn, không trăm chín mươi tám đồng).* Trong đó gồm có:

- Tổng số tiền nợ gốc theo Hợp đồng và 02 Phụ lục Hợp đồng nêu trên là: 2.069.041.973 đồng *(Bằng chữ: Hai tỷ, không trăm sáu mươi chín triệu, không trăm bốn mươi mốt nghìn, chín trăm bảy mươi ba đồng);*

- Tiền lãi do chậm thanh toán tính từ ngày 30/7/2021 đến ngày Tòa án xét xử 19/10/2023 là: 505.371.125 đồng *(Bằng chữ: Năm trăm linh năm triệu, ba trăm bẩy mươi mốt nghìn, một trăm hai mươi lăm đồng)* và tiếp tục phải thanh toán tiền lãi kể từ ngày 20/10/2023 cho đến khi Công ty S-A thanh toán hết nợ cho Công ty P1.

Tại bản tự khai ngày 28/6/2023, quá trình giải quyết vụ án, đại diện Công ty cổ phần S, là Bị đơn trình bày: Công ty S-A xác nhận Công ty cổ phần P1 *(Gọi tắt là: Công ty P1)* và Công ty cổ phần S *(Gọi tắt là: Công ty S-A)* có ký kết Hợp đồng kinh tế số: 120621/HĐKT TL-SA ngày 12/6/2021, hạng mục: Đổ bê tông, mài tăng cứng lộ cát tại Nhà máy sản xuất thiết bị điện và chế tạo máy biến áp truyền tải Sanaky, địa điểm: Khu Công nghiệp Đ, xã Đ, huyện K, tỉnh Hà Nam; Hai bên thỏa thuận nội dung của Hợp đồng như sau: Công ty P1 đổ bê tông và mài tăng cứng lộ cát theo yêu cầu của Công ty S - A tại Dự án Nhà máy sản xuất thiết bị điện và chế tạo máy biến áp truyền tải S1 tại Khu Công nghiệp Đ, xã Đ, huyện K, tỉnh Hà Nam; Tổng giá trị khối lượng công việc tạm tính là 1.340.988.000 đồng. Thỏa thuận về phương thức thanh toán: Công ty S-A tạm ứng cho Bên B 20% giá trị hợp đồng (trước VAT) sau khi hai bên ký hợp đồng; Công ty S-A thanh toán tới 05% khối lượng hoàn thiện theo từng xưởng A1, A2; Giá trị tạm ứng sẽ khấu trừ cho khối lượng nhà xưởng hoàn thiện đã thanh toán. Công ty S-A giữ lại 05% giá trị bảo hành trong 18 tháng; Thời gian thanh toán không quá 07 ngày sau khi bàn giao và hoàn thiện hồ sơ thanh toán, là đúng.

Công ty S-A xác nhận có ký 02 Phụ lục hợp đồng (số: 90821/PLHĐ/TL-SA (thuộc Hợp đồng kinh tế số: 120621/HĐKT TL-SA ngày 12/6/2021) ký ngày 09/8/2021 và số: 200821/PLHĐ/TL-SA ngày 20/8/2021). Xác nhận tổng giá trị của Hợp đồng kinh tế và 02 Phụ lục hợp đồng là: 3.296.053.750 đồng *(Bằng chữ: Ba tỷ, hai trăm chín mươi sáu triệu, không trăm năm mươi ba nghìn, bẩy trăm năm mươi đồng)* đã bao gồm VAT;

Quá trình thực hiện Hợp đồng và 02 Phụ lục hợp đồng nêu trên, Công ty S-A đã tạm ứng cho Công ty P1 và nhiều lần thanh toán cho Công ty P1. Tuy nhiên cho đến nay, Công ty S-A chưa kiểm tra được số liệu thanh toán cụ thể là bao nhiêu.

Về phía Công ty P1 đã tiến hành thực hiện các công việc như thỏa thuận trong Hợp đồng và 02 Phụ lục hợp đồng nêu trên là đúng. Công ty S-A đã nhận của Công ty P1 02 bộ hồ sơ quyết toán giá trị hoàn thành, cụ thể:
- Đợt 1 là ngày 22/7/2021, hai Công ty xác nhận dư nợ là: 628.152.667 đồng;
- Đợt 2 là ngày 25/10/2021, hai Công ty xác nhận dư nợ là: 1.903.399.074 đồng;

Công ty P1 cho rằng đã xuất 02 hóa đơn điện tử tương ứng với các giá trị được ghi nhận là:
- Hóa đơn GTGT số 0000054 ngày 22/7/2021: Tổng cộng tiền thanh toán là 1.358.670.643 đồng;
- Hóa đơn GTGT số 0000065 ngày 25/10/2021: Tổng cộng tiền thanh toán là 1.954.187.330 đồng;

Tuy nhiên Công ty S-A sẽ kiểm tra lại các số liệu theo hồ sơ quyết toán;

Công ty S-A xác nhận có ký thư xác nhận phải trả nhà cung cấp là Công ty P1 với số tiền còn phải thanh toán là: 2.069.041.973 đồng *(Bằng chữ: Hai tỷ, không trăm sáu mươi chín triệu, không trăm bốn mươi mốt nghìn, chín trăm bảy mươi ba đồng)* tính đến ngày 31/12/2021, là đúng.

Công ty S-A có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện Công ty P1 như sau: Công ty S-A đề nghị Công ty T5 các tài liệu, chứng cứ về nguồn gốc xuất xứ, tiêu chuẩn chất lượng của vật tư hàng hóa đơn đầu vào của vật tư hàng hóa, trong đó có bê tông mà Công ty P1 đã thực hiện theo Hợp đồng kinh tế đã ký với Công ty S-A. Công ty S-A xác nhận còn nợ tiền Công ty P1 theo Hợp đồng kinh tế số: 120621/HĐKT TL-SA ngày 12/6/2021 và 02 Phụ lục hợp đồng (số: 90821/PLHĐ/TL-SA ngày 09/8/2021 và số: 200821/PLHĐ/TL-SA ngày 20/8/2021), ký giữa: Công ty cổ phần P1 và Công ty cổ phần S, nhưng không đồng ý với số tiền Công ty P1 khởi kiện vì Công ty S-A chưa xác định được số tiền nợ gốc là bao nhiêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Theo đơn khởi kiện ngày 23/02/2023 của Nguyên đơn: Công ty cổ phần P1 *(Gọi tắt là: Công ty P1)* đối với Bị đơn: Công ty cổ phần S *(Gọi tắt là: Công ty S-A)*, về việc: Tranh chấp Hợp đồng kinh tế; Bị đơn, có địa chỉ trụ sở chính tại: Tầng C Tòa nhà T, đường M, phường M, quận N, thành phố Hà Nội.

Đây là vụ án Kinh doanh thương mại, tranh chấp phát sinh từ Hợp đồng kinh tế, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Nam Từ

Liêm, thành phố Hà Nội, theo quy định tại Khoản 1 Điều 30 và Điểm b Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ nhất, Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, đại diện Bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa để có mặt Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ, Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa ngày 31/8/2023 là phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, Người đại diện theo ủy quyền của Bị đơn gồm 03 người: (1.) Ông Đỗ Kỳ A *(có đơn xin hoãn phiên tòa đề ngày 12/9/2023 vì lý do sức khỏe không tham gia phiên tòa được, nhưng không có tài liệu, chứng cứ kèm theo),* (2.) Ông Đỗ Hà T1 *(có đơn xin hoãn phiên tòa đề ngày 13/9/2023 vì lý do sức khỏe không tham gia phiên tòa được, nhưng không có tài liệu, chứng cứ kèm theo),* (3.) Bà Tạ Thị T2 vắng mặt không có lý do; Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt Bị đơn, Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Bị đơn, là phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Quá trình giải quyết vụ án, Bị đơn không yêu cầu phản tố. Ngày 18/8/2023 Tòa án nhận được đơn của đại diện Bị đơn đề nghị Tòa án bổ sung người tham gia tố tụng với tư cách là Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là: Chi nhánh Công ty TNHH S2 vì lý do: *"Hiện nay chủ đầu tư của Dự án là Chi nhánh Công ty TNHH S2 đang có sự tranh chấp với Công ty S-A về chất lượng thi công công trình tại Nhà máy sản xuất thiết bị điện và chế tạo máy biến áp truyền tải Sanaky.".* Sau khi xem xét đơn đề nghị và tài liệu kèm theo của Công ty S-A, Tòa án nhận thấy: Đây là tranh chấp giữa Chi nhánh Công ty TNHH S2 đối với Công ty S-A về việc: Tranh chấp Hợp đồng thi công xây dựng công trình ký giữa Chi nhánh Công ty TNHH S2 với Công ty S-A, không liên quan trong vụ án này, Công ty S-A không giao nộp được cho Tòa án tài liệu, chứng cứ chứng minh tranh chấp giữa Chi nhánh Công ty TNHH S2 với Công ty S-A có liên quan đến Công ty P1, vì vậy Chi nhánh Công ty TNHH S2 không thuộc trường hợp quy định tại Khoản 4 Điều 68 của Bộ luật tố tụng Dân sự, không có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án này.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn: Tại phiên tòa, đại diện Công ty P1, là Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với Công ty S-A về việc: Tranh chấp Hợp đồng kinh tế số: 120621/HĐKT TL-SA ngày 12/6/2021, ký giữa: Công ty cổ phần P1 *(Gọi tắt là: Công ty P1)* với Công ty cổ phần S *(Gọi tắt là: Công ty S-A),* 02 Phụ lục hợp đồng (số: 90821/PLHĐ/TL-SA ngày 12/6/2021 và Phụ lục Hợp đồng số:

200821/PLHĐ/TL-SA ngày 20/8/2021). Nội dung yêu cầu khởi kiện như sau: Đề nghị Tòa án buộc Công ty S-A phải thanh toán cho Công ty P1 tổng số tiền nợ gốc và tiền lãi do chậm thanh toán tính đến ngày Tòa án xét xử 19/10/2023 là: 2.574.413.098 đồng *(Bằng chữ: Hai tỷ, năm trăm bẩy mươi bốn triệu, bốn trăm mười ba nghìn, không trăm chín mươi tám đồng).* Trong đó gồm có:

- Tổng số tiền nợ gốc theo Hợp đồng và 02 Phụ lục Hợp đồng nêu trên là: 2.069.041.973 đồng *(Bằng chữ: Hai tỷ, không trăm sáu mươi chín triệu, không trăm bốn mươi mốt nghìn, chín trăm bảy mươi ba đồng);*

- Tiền lãi do chậm thanh toán tính từ ngày 30/7/2021 đến ngày Tòa án xét xử 19/10/2023 là: 505.371.125 đồng *(Bằng chữ: Năm trăm linh năm triệu, ba trăm bẩy mươi mốt nghìn, một trăm hai mươi lăm đồng)* và tiếp tục phải thanh toán tiền lãi kể từ ngày 20/10/2023 cho đến khi Công ty S-A thanh toán hết nợ cho Công ty P1.

Xét Hợp đồng kinh tế số: 120621/HĐKT TL-SA ngày 12/6/2021, ký giữa: Công ty cổ phần P1 *(Gọi tắt là: Công ty P1)* với Công ty cổ phần S *(Gọi tắt là: Công ty S-A)*, Nội dung Hợp đồng: Công ty P1 nhận thi công công trình đổ bê tông, mài tăng cứng lộ cát tại Nhà máy sản xuất thiết bị điện và chế tạo máy biến áp truyền tải Sanaky, địa điểm: Khu Công nghiệp Đ, xã Đ, huyện K, tỉnh Hà Nam và 02 Phụ lục hợp đồng (số: 90821/PLHĐ/TL-SA ngày 12/6/2021 và Phụ lục Hợp đồng số: 200821/PLHĐ/TL-SA ngày 20/8/2021, ký giữa hai Công ty, thấy: Đây là Hợp đồng dân sự thỏa thuận giữa hai bên để thực hiện một phần công việc trong hoạt động đầu tư xây dựng, thuộc loại Hợp đồng xây dựng theo quy định tại Điều 140 của Luật Xây dựng, Hợp đồng được ký kết là người có thẩm quyền, nội dung và hình thức của Hợp đồng đúng quy định tại Điều 141 của Luật Xây dựng, các bên ký kết Hợp đồng trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận, phù hợp với quy định tại các Điều 138 và 139 của Luật Xây dựng, nên làm phát sinh quyền, nghĩa vụ dân sự của các bên.

Xét nội dung của Hợp đồng kinh tế số: 120621/HĐKT TL-SA ngày 12/6/2021, ký giữa: Công ty P1 với Công ty S-A, hai bên thỏa thuận: Công ty P1 nhận thi công công trình đổ bê tông và mài tăng cứng lộ cát tại Nhà máy S1 tại Khu Công nghiệp Đ, xã Đ, huyện K, tỉnh Hà Nam; Tổng giá trị khối lượng công việc tạm tính là 1.340.988.000 đồng *(Bằng chữ: Một tỷ, ba trăm bốn mươi triệu, chín trăm tám mươi tám triệu đồng);* Thỏa thuận về phương thức thanh toán: Công ty S-A tạm ứng cho Công ty P1 20% giá trị hợp đồng (trước VAT) sau khi hai bên ký hợp đồng; Công ty S-A thanh toán tới 05% khối lượng hoàn thiện theo từng xưởng A1, A2; Giá trị tạm ứng sẽ khấu trừ cho khối lượng nhà xưởng hoàn thiện đã thanh toán. Công ty S-A giữ lại 05%

giá trị bảo hành trong 18 tháng. Thời gian thanh toán không quá 07 ngày sau khi bàn giao và hoàn thiện hồ sơ thanh toán.

Nội dung của Phụ lục hợp đồng số: 90821/PLHĐ/TL-SA ngày 12/6/2021 hai Công ty ký thuộc Hợp đồng kinh tế số: 120621/HĐKT TL-SA, nội dung của Phụ lục Hợp đồng, hai bên thỏa thuận: Công ty P1 nhận thi công đổ bê tông và mài tăng cứng lộ cát nhà xưởng A3, A4 cho công trình: Nhà máy sản xuất thiết bị điện và chế tạo máy biến áp truyền tải Sanaky tại Khu Công nghiệp Đ, xã Đ, huyện K, tỉnh Hà Nam; Giá trị phụ lục Hợp đồng là: 1.677.500.000 đồng *(Bằng chữ: Một tỷ, sáu trăm bẩy mươi bẩy triệu, năm trăm nghìn đồng);* Thỏa thuận phương thức thanh toán: Công ty S-A thanh toán 95% khối lượng hoàn thiện theo từng xưởng A3, A4. Công ty S-A giữ lại 5% giá trị bảo hành trong 18 tháng, thời gian thanh toán không quá 07 ngày sau khi bàn giao và hoàn thiện hồ sơ thanh toán.

Ngày 20/8/2021 hai Công ty ký Phụ lục Hợp đồng số: 200821/PLHĐ/TL-SA, nội dung của Phụ lục Hợp đồng, hai bên thỏa thuận: Công ty P1 nhận thi công phần phát sinh xưởng A1, A2, A3, A4 và nhà ngoài cho công trình: Nhà máy sản xuất thiết bị điện và chế tạo máy biến áp truyền tải Sanaky tại Khu Công nghiệp Đ, xã Đ, huyện K, tỉnh Hà Nam; Giá trị phụ lục Hợp đồng là: 277.565.750 đồng *(Bằng chữ: Hai trăm bẩy mươi bẩy triệu, năm trăm sáu mươi lăm triệu, bẩy trăm năm mươi đồng);*

Tổng giá trị của Hợp đồng kinh tế và 02 Phụ lục hợp đồng là: 3.296.053.750 đồng *(Bằng chữ: Ba tỷ, hai trăm chín mươi sáu triệu, không trăm năm mươi ba nghìn, bẩy trăm năm mươi đồng).*

Nhận thấy: Quá trình thực hiện Hợp đồng và 02 phụ lục hợp đồng nêu trên, Công ty P1 đã hoàn thành khối lượng công việc đã thỏa thuận trong Hợp đồng và 02 phụ lục hợp đồng hai nêu trên, đại diện Công ty P1 và đại diện Công ty S-A đã 02 lần lập Hồ sơ thanh, quyết toán giá trị hoàn thành, có chữ ký xác nhận của đại diện hai Công ty gồm có:

- Hồ sơ thanh toán giá trị hoàn thành đợt 1 lập ngày 22/7/2021, số tiền đề nghị thanh toán kỳ này là: 628.152.667 đồng;

- Hồ sơ quyết toán giá trị hoàn thành lập ngày 25/10/2021, số tiền đề nghị thanh toán kỳ này là: 1.903.399.074 đồng;

Tính đến ngày 31/8/2021, Công ty S đã thanh toán cho Công ty P1 tổng số tiền là: 1.243.816.000 đồng *(Bằng chữ: Một tỷ, hai trăm bốn mươi ba triệu, tám trăm mười sáu nghìn đồng),* Công ty S-A còn phải thanh toán cho Công ty P1 tổng số tiền nợ theo Hợp đồng và 02 phụ lục hợp đồng nêu trên là: 2.069.041.973 đồng *(Bằng chữ: Hai tỷ, không trăm sáu mươi chín triệu, không trăm bốn mươi mốt nghìn, chín trăm bẩy mươi ba đồng)*.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện Công ty P1 khẳng định Công ty P1 đã thực hiện đúng thỏa thuận trong Hợp đồng kinh tế, đã xuất hóa

đơn VAT cho Công ty S-A, đã nhiều lần trao đổi, yêu cầu, đề nghị Công ty S-A thanh toán dứt điểm công nợ này, nhưng Công ty S-A vẫn cố tình không trả nợ, đã gây khó khăn, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty P1. Đề nghị Hội đồng xét xử buộc Công ty S-A phải thanh toán cho Công ty P1 số tiền nợ gốc là: 2.069.041.973 đồng *(Bằng chữ: Hai tỷ, không trăm sáu mươi chín triệu, không trăm bốn mươi mốt nghìn, chín trăm bẩy mươi ba đồng)*.

Quá trình giải quyết vụ án, đại diện Công ty S-A xác nhận Công ty S-A với Công ty P1 có ký kết Hợp đồng kinh tế số: 120621/HĐKT TL-SA ngày 12/6/2021 và có ký 02 Phụ lục hợp đồng (số: 90821/PLHĐ/TL-SA (thuộc Hợp đồng kinh tế số: 120621/HĐKT TL-SA ngày 12/6/2021) ký ngày 09/8/2021 và số: 200821/PLHĐ/TL-SA ngày 20/8/2021) là đúng, xác nhận tổng giá trị của Hợp đồng kinh tế và 02 Phụ lục hợp đồng là: 3.296.053.750 đồng *(Bằng chữ: Ba tỷ, hai trăm chín mươi sáu triệu, không trăm năm mươi ba nghìn, bẩy trăm năm mươi đồng)* đã bao gồm VAT. Quá trình thực hiện Hợp đồng và 02 Phụ lục hợp đồng nêu trên, Công ty S-A đã tạm ứng cho Công ty P1 và nhiều lần thanh toán cho Công ty P1, Công ty P1 đã tiến hành thực hiện các công việc như thỏa thuận trong Hợp đồng và 02 Phụ lục hợp đồng nêu trên là đúng. Tuy nhiên cho đến nay, Công ty S-A chưa kiểm tra được số liệu thanh toán cụ thể là bao nhiêu. Công ty S-A xác nhận đã nhận của Công ty P1 02 bộ hồ sơ quyết toán giá trị hoàn thành, hai Công ty xác nhận dư nợ Đợt 1 là ngày 22/7/2021, dư nợ là: 628.152.667 đồng; Đợt 2 là ngày 25/10/2021, dư nợ là: 1.903.399.074 đồng. Công ty S-A xác nhận có ký thư xác nhận phải trả nhà cung cấp là Công ty P1 với số tiền còn phải thanh toán là: 2.069.041.973 đồng *(Bằng chữ: Hai tỷ, không trăm sáu mươi chín triệu, không trăm bốn mươi mốt nghìn, chín trăm bảy mươi ba đồng)* tính đến ngày 31/12/2021, là đúng.

Nhận thấy, quá trình giải quyết vụ án, Đại diện Công ty S-A không giao nộp tài liệu, chứng cứ nào khác, không có căn cứ về tranh chấp chất lượng công trình giữa Công ty S-A với Công ty P1, vì vậy, yêu cầu khởi kiện của Công ty P1 đề nghị Tòa án buộc Công ty S-A thanh toán cho Công ty P1 số tiền nợ gốc là: 2.069.041.973 đồng *(Bằng chữ: Hai tỷ, không trăm sáu mươi chín triệu, không trăm bốn mươi mốt nghìn, chín trăm bảy mươi ba đồng)* là có căn cứ, nên được chấp nhận.

Xét yêu cầu của Công ty P1 buộc Công ty S-A thanh toán tiền lãi do chậm thanh toán tính từ ngày 30/7/2021 đến ngày Tòa án xét xử 19/10/2023 là: 505.371.125 đồng *(Bằng chữ: Năm trăm linh năm triệu, ba trăm bẩy mươi mốt nghìn, một trăm hai mươi lăm đồng)* và tiếp tục phải thanh toán tiền lãi kể từ ngày 20/10/2023 cho đến khi Công ty S-A thanh toán hết nợ cho Công ty

P1, Hội đồng xét xử nhận thấy: Theo nội dung của Hợp đồng kinh tế số: 120621/HĐKT TL-SA ngày 12/6/2021 ký giữa: Công ty P1 với Công ty S-A, hai bên không thỏa thuận về lãi suất chậm thanh toán, nhưng hai bên căn cứ vào Bộ luật Dân sự và Luật Thương mại để ký kết Hợp đồng kinh tế nêu trên, vì vậy, Công ty P1 tính lãi suất chậm trả 13%/năm đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường của Ngân hàng V, Ngân hàng V1 và Ngân hàng A1 có trụ sở, chi nhánh, phòng G tại thành phố Hà Nội nơi Tòa án N đang giải quyết, là có căn cứ, nên được chấp nhận. Buộc Công ty S-A thanh toán cho Công ty P1 tiền lãi do chậm thanh toán tính từ ngày 30/7/2021 đến ngày Tòa án xét xử 19/10/2023 là: 505.371.125 đồng *(Bằng chữ: Năm trăm linh năm triệu, ba trăm bẩy mươi mốt nghìn, một trăm hai mươi lăm đồng)* và tiếp tục phải thanh toán tiền lãi kể từ ngày 20/10/2023 cho đến khi Công ty S-A thanh toán hết nợ cho Công ty P1.

Quá trình giải quyết vụ án, Bị đơn không yêu cầu phản tố nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty P1 đối với Công ty S-A, buộc Công ty S-A phải thanh toán cho Công ty P1 tổng số tiền nợ gốc và tiền lãi do chậm thanh toán tính đến ngày Tòa án xét xử 19/10/2023 là: 2.574.413.098 đồng *(Bằng chữ: Hai tỷ, năm trăm bẩy mươi bốn triệu, bốn trăm mười ba nghìn, không trăm chín mươi tám đồng).*

[4] Về án phí: Công ty cổ phần S phải chịu 83.488.000 đồng *(Bằng chữ: Tám mươi ba triệu, bốn trăm tám mươi tám nghìn đồng)* toàn bộ án phí Dân sự sơ thẩm do toàn bộ yêu cầu của Nguyên đơn được Tòa án chấp nhận;

Trả lại Công ty cổ phần P1 số tiền: 39.200.000 đồng *(Bằng chữ: Ba mươi chín triệu, hai trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí sơ thẩm Công ty đã nộp tại Chi cục thi hành án Dân sự quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội;

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Từ những nhận định trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 30; 35; 39; 147; 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 138; 139; 141 của Luật Xây dựng; Điều 306 của Luật Thương mại;

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần P1 đối với Công ty cổ phần S, về việc: Tranh chấp Hợp đồng kinh tế số: 120621/HĐKT TL-SA ngày 12/6/2021, ký giữa Công ty TNHH S *(Nay là: Công ty cổ phần S)* với Công ty cổ phần P1;

2. Buộc Công ty cổ phần S phải thanh toán cho Công ty cổ phần P1 tổng số tiền nợ gốc và lãi do chậm thanh toán tính đến ngày Tòa án xét xử 19/10/2023 là: 2.574.413.098 đồng *(Bằng chữ: Hai tỷ, năm trăm bẩy mươi bốn triệu, bốn trăm mười ba nghìn, không trăm chín mươi tám đồng)*.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Công ty cổ phần S phải chịu: 83.488.000 đồng *(Bằng chữ: Tám mươi ba triệu, bốn trăm tám mươi tám nghìn đồng)* án phí Dân sự sơ thẩm;

Trả lại Công ty cổ phần P1 số tiền: 39.200.000 đồng *(Bằng chữ: Ba mươi chín triệu, hai trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí sơ thẩm Công ty đã nộp tại Chi cục thi hành án Dân sự quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội *(Biên lai số 0035295 ngày 16/5/2023) ;*

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Q.Nam Từ Liêm;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- Chi cục THADS Q.Nam Từ Liêm;
- Lưu HS-VP.